**GIÁO ÁN TOÁN LỚP 2**

**CHUYÊN ĐỀ**

*DẠY HỌC THEO HƯỚNG TÍCH CỰC HÓA HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH*

*(Tuần 22 – Tiết Luyện tập)*

**Bài dạy: Luyện tập ( Bảng chia 2) (trang 111)**

GV: Vũ Văn Huynh

Trường Tiểu học Yên Thế

**I .** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

-Thuộc bảng chia 2.

- Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 2)

**2. Kỹ năng:**

-Rèn cho học sinh kĩ năng tính nhẩm và biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 2).

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** NL giao tiếp, trình bày; giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic, NL sử dụng các công cụ và phương tiện toán học, NL mô hình hóa toán học.

\*Bài tập cần làm: bài tập 1,2,3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày, động não.

- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân, nhóm đôi, nhóm 6.

**2. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ, kẹo.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bút lông.

**III. CÁC HOAT ĐỘNG DẠY - HỌC**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| **1. HĐ khởi động:** *(5 phút)* | |
| - Ôn lại bảng chia 2  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: ***Luyện tập.*** | - HĐ: cá nhân, lớp.  -Phương pháp: vấn đáp.  **- NL giao tiếp, NL trình bày.**  - 3 Học sinh đọc cá nhân; cả lớp đọc đồng thanh.  - Lắng nghe.  - 2 Học sinh nhắc lại tựa bài. |
| **2. HĐ thực hành:** *(25 phút)*  **\*Mục tiêu:**  -Thuộc bảng chia 2.  - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 2).  - Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 2 phần bằng nhau.  **\*Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1/111: Làm việc cá nhân – Trò chơi: “ Bắn tên”**  - Cho HS làm SGK  - GV và HS cùng sửa bài.  🡪 GV chốt ý BT 1  **Bài 2/111: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**  **-** Cho HS đọc đề bài và làm vào SGK  - Cho HS kiểm tra kết quả trong nhóm đôi. Mời các nhóm nối tiếp báo cáo kết quả: Học sinh thực hiện mỗi lần một cặp hai phép tính: nhân 2 và chia 2.  - Nhận xét bài làm của học sinh.  - GV chốt kiến thức.  **Bài 3/111: (Bài tập PTNL)**  **Trao đổi nhóm 6 + làm vở + bảng phụ –> Chia sẻ trước lớp**  - **Có ... cái kẹo, chia đều cho 2 tổ. Hỏi mỗi tổ được chia mấy cái kẹo?**  - Yêu cầu đại diện các nhóm 6 học sinh lên bảng nhận kẹo.  - Cho các nhóm đếm kẹo và tự giải.  - GV cùng HS sửa bài  - Tổ chức cho học sinh nhận xét.  - Giáo viên nhận xét chung.  ✪**Bài 4/111: (Cá thể hóa)**  **-** Yêu cầu những học sinh làm bài nhanh, học giỏ tự đọc đề và làm bài (giáo viên kiểm tra,nhận xét riêng các em HS này). | - HĐ: cá nhân, cặp đôi.  -Phương pháp: thực hành, trò chơi học tập.  **- NL giải quyết vấn đề; NL biểu diễn, trình bày**.  - 1 Học sinh đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp làm vào SGK.  - HS sửa bài bằng hình thức bắn tên để đọc đáp án:   |  |  | | --- | --- | | 8 : 2 = 4  16 : 2 = 8  10 : 2 = 5  6 : 2 = 3 | 14 : 2 = 7  20 : 2 = 10  18 : 2 = 9  12 : 2 = 6 |   - HĐ: cá nhân.  -Phương pháp: thực hành, trò chơi học tập.  **- NL giải quyết vấn đề; NL biểu diễn, trình bày**.  - 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - Học sinh làm bài vào SGK.  - Kiểm tra chéo trong cặp.  - Học sinh chia sẻ:   |  |  | | --- | --- | | +) 2 x 6 = 12  12 : 2 = 6  +) 2 x 8 = 16  16 : 2 = 8 | +) 2 x 2 = 4  4 : 2 = 2  +) 2 x 1 = 2  2 : 2 = 1 |   - Học sinh lắng nghe.  - HĐ: nhóm 6, cá nhân.  -Phương pháp: thực hành, trò chơi học tập.  **- NL sử dụng các công cụ và phương tiện toán học.**  **NL giải quyết vấn đề; NL biểu diễn, trình bày**.  - 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - Đại diện các nhóm 6 học sinh lên bảng nhận kẹo.  - HS cả lớp làm vở (đại diện 4HS làm bài vào bảng phụ.)  - 4HS chia sẻ bài làm của mình - - HS cả lớp lắng nghe, so sánh kết quả các bài giống nhau và sửa bài.  - HĐ: cá nhân, cặp đôi.  -Phương pháp: thực hành, trò chơi học tập.  **- NL giải tự quyết vấn đề.**  - Những HS được nhận thẻ thì làm thêm bài tập 4.  Bài giải:  Số hàng có tất cả là:  20 : 2 = 10 (hàng)  Đáp số: 10 hàng. |
| **4. Hoạt động củng cố: Trò chơi “Ong về tổ”** *(5 phút)* | |
| **-** Giáo viên nhắc lại cách chơi.  - Gv cho HS chơi trò chơi.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt lại những phần chính trong tiết dạy.  - Giáo viên nhận xét tiết học.  - Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Sửa bài sai. Xem trước bài: ***Số bị chia – Số chia – Thương*** | - HĐ: cá nhân.  -Phương pháp: trò chơi học tập.  **NL giao tiếp**, **tư duy và suy luận toán học**.  - Học sinh lắng nghe.  - HS tham gia trò chơi, cổ vũ.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh lắng nghe.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**GIÁO ÁN TOÁN LỚP 3**

**CHUYÊN ĐỀ**

*DẠY HỌC THEO HƯỚNG TÍCH CỰC HÓA HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH*

*(Tuần 18 – Hình thành kiến thức mới)*

**Bài dạy: Chu vi hình vuông (trang 88)**

GV: Vũ Văn Huynh

Trường Tiểu học Yên Thế

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh nhớ quy tắc tính chu vi hình vuông (độ dài cạnh x 4).

- Vận dụng quy tắc để tính được chu vi hình vuông và giải bài toán có nội dung liên quan đến chu vi hình vuông.

**2. Kĩ năng:** Vận dụng quy tắc để tính được chu vi hình vuông.

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giao tiếp, trình bày; giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic, NL sử dụng các công cụ và phương tiện toán học, NL mô hình hóa toán học.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3, 4.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Vẽ sẵn hình vuông có kích thước 3 dm.

- Học sinh: Sách giáo khoa, thước kẻ.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động (2 phút)**  - Trò chơi: ***“Hái hoa dân chủ”:*** Giáo viên đưa ra một số câu hỏi sau:  *+ Hình vuông có bao nhiêu góc vuông?*  *+ 4 cạnh của hình vuông như thế nào?*  …  - Kết nối kiến thức.  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | - HĐ: cá nhân.  -Phương pháp: vấn đáp, trò chơi học tập.  - Học sinh tham gia chơi.  - **NL giao tiếp**, **trình bày.**  - Lắng nghe. |
| **2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **\* Mục tiêu:**  - Học sinh nhớ quy tắc tính chu vi hình vuông (độ dài cạnh x 4).  - Vận dụng quy tắc để tính được chu vi hình vuông và giải bài toán có nội dung liên quan đến chu vi hình vuông.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **\* Xây dựng quy tắc:**  - Vẽ hình vuông ABCD cạnh 3dm.  - Yêu cầu tính chu vi hình vuông đó.  A B  3dm      - Gọi học sinh chia sẻ kết quả, giáo viên ghi bảng:  Chu vi hình vuông ABCD là:  3 + 3 + 3 + 3 = 12 (dm)  - Yêu cầu học sinh viết sang phép nhân.  3 x 4 = 12 (dm)  *+ Muốn tính chu vi hình vuông ta làm như thế nào?*  - Ghi quy tắc lên bảng.  - Yêu cầu học thuộc quy tắc tính chu vi hình vuông.  \*Giáo viên lưu ý quy ước công thức tinh chu vi hình vuông cho học sinh, nếu:  Chu vi: P  Cạnh: a  => P = a x 4 | - HĐ: cá nhân.  -Phương pháp: quan sát, thực hành.  **- NL tư duy và suy luận toán học và giải quyết vấn đề**.  - Quan sát.  - Học sinh tính chu vi hình vuông.  **- NL biểu diễn, trình bày.**  - Học sinh chia sẻ kết quả:  *3 + 3 + 3 + 3 = 12 (dm)*  - Viết thành phép nhân: *3 x 4 = 12 (dm)*  - Lấy số đo của 1 cạnh nhân với 4.  - Nhắc lại quy tắc về tính chu vi hình vuông.  - Học thuộc quy tắc.  - Học sinh quan sát và ghi nhớ. |
| **3. HĐ thực hành (15 phút).**  **\* Mục tiêu:** Học sinh vận dụng quy tắc để tính chu vi hình vuông để làm được các bài tập 1, 2, 3,4.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1: (Cá nhân - Cặp đôi - Lớp)**  - Giáo viên hướng dẫn mẫu rồi yêu cầu học sinh làm bài.  - Giáo viên quan sát, giúp đỡ những em lúng túng chưa biết làm bài.  \*Giáo viên chốt đáp án đúng.  - Gọi học sinh nhắc lại quy tắc tính chu vi hình vuông  **Bài 2: (Cá nhân – Lớp)**  - Yêu cầu lớp giải bài toán vào vở.  - Giáo viên đánh giá, nhận xét vở 1 số em, nhận xét chữa bài.  - Cho học sinh làm đúng lên chia sẻ cách làm bài.  - Giáo viên chốt kiến thức bài.  **Bài 3: (Cá nhân - Cặp đôi - Lớp)**  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh còn lúng túng, chưa biết làm.  - Giáo viên củng cố giải bài toán có nội dung liên quan đến tính chu vi hình chữ nhật.  => P = (a + b) x 2  **Bài 4: (Nhóm - Lớp)**  **Đo độ dài cạnh viên gạch hình vuông trong lớp em và tính chu vi viên gạch hình vuông đó?**  - Yêu cầu học sinh trao đổi nhóm.  - Gọi học sinh dán phiếu -> chia sẻ cách làm.  - Giáo viên củng cố các bước giải bài toán:  + Đo cạnh của viên gạch hình vuông.  + Tính chu vi viên gạch hình vuông. | - HĐ: cá nhân, cặp đôi, lớp.  -Phương pháp: quan sát, thực hành.  **- NL tư duy và suy luận toán học; NL trình bày.**  - Học sinh làm bài cá nhân.  - Trao đổi cặp đôi.  - Chia sẻ trước lớp:  *+ 8* x *4 = 32 (cm) 12* x *4 = 48 (cm)*  *+ 31* x *4 = 124 (cm) 15* x *4 = 60 (cm)*  *- Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy số đo của 1 cạnh nhân với 4.*  - HĐ: cá nhân, lớp.  -Phương pháp: quan sát, thực hành.  **- NL tư duy và suy luận toán học; NL trình bày.**  - Cả lớp làm bài vào vở.  - Học sinh chia sẻ kết quả:  *Bài giải*  *Độ dài của sợi dây đó là*  *10* x *4 = 40 (cm)*  *Đáp số: 40cm*  - HĐ: cá nhân, cặp đôi, lớp.  -Phương pháp: quan sát, thực hành.  **- NL tư duy và suy luận toán học; NL trình bày.**  - Thực hiện cặp đôi.  - Học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp:  *Bài giải:*  *Chiều dài hình chữ nhật là:*  *20* x *3 = 60 (cm)*  *Chu vi của hình chữ nhật là:*  *(60 + 20 )* x *2 = 160 (cm)*  *Đáp số: 160 cm*  - HĐ: cá nhân, cặp đôi, lớp.  -Phương pháp: quan sát, thực hành.  **- NL sử dụng các công cụ và phương tiện toán học, NL mô hình hóa toán học.**  **- NL suy luận toán học; NL trình bày.**  - Học sinh thực hiện nhóm 4, theo yêu cầu (phiếu học tập).  - Chia sẻ kết quả trước lớp:  *Cạnh của viên gạch hình vuông: 40 cm*  *Chu vi của viên gạch hình vuông đó là:*  *60 x 4 =240 (cm)*  *Đáp số:240 cm* |

**GIÁO ÁN TOÁN LỚP 3**

**CHUYÊN ĐỀ**

*DẠY HỌC THEO HƯỚNG TÍCH CỰC HÓA HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH*

*(Tuần 6 – Tiết Luyện tập)*

**Bài dạy: Luyện tập ( Bảng chia 6) (trang 25)**

GV: Vũ Văn Huynh

Trường Tiểu học Yên Thế

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết nhân, chia trong phạm vi bảng nhân 6, bảng chia 6.

- Vận dụng trong giải toán có lời văn (có một phép chia 6).

- Biết xác định  của một hình đơn giản.

**2. Kĩ năng:** Rèn KN nhân, chia trong phạm vi bảng nhân 6, bảng chia 6.

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic, NL quan sát,...

**\*Bài tập cần làm:** Làm BT 1, 2, 3, 4.

**II.CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng:**

- GV: Phiếu học tập.

-HS: SGK, bảng con.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.HĐ khởi động (5 phút) :**  - Ôn lại bảng chia 6  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: ***Luyện tập.*** | - HĐ: cá nhân, lớp.  -Phương pháp: vấn đáp.  **- NL giao tiếp, NL trình bày.**  - 3 Học sinh đọc cá nhân; cả lớp đọc đồng thanh.  - Lắng nghe.  - 2 Học sinh nhắc lại tựa bài. |
| **2. HĐ thực hành (25 phút):**  **\* Mục tiêu:** Biết nhân, chia trong phạm vi bảng nhân 6, bảng chia 6. Vận dụng trong giải toán.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:****(Cá nhân - Cặp - Lớp)**  **-** Cho HS đọc đề bài và làm vào SGK  - Cho HS kiểm tra kết quả trong nhóm đôi. Mời các nhóm nối tiếp báo cáo kết quả: Học sinh thực hiện mỗi lần một cặp hai phép tính: nhân 2 và chia 2.  - Nhận xét bài làm của học sinh.  - GV chốt kiến thức.  *+ Khi đã biết 6 x 9 = 54 có thể ghi ngay kết qủa 54 : 6 được không, vì sao?*  - Giải thích tương tự với các trường hợp còn lại.  + *Dựa vào kết quả phép tính chia ở trên ta có thể ghi ngay kết qủa phép nhân ở dưới được không, vì sao?*  **\*GVKL:**  *+ …lấy tích chia cho thừa số này thì sẽ được thừa số kia*  *+ ..lấy thương nhân với số chia sẽ được số bị chia.*  **Bài 2: (Cá nhân - Cặp - Lớp)**  - Cho HS làm SGK  - GV và HS cùng sửa bài.  🡪 GV chốt ý BT 2  ***Bài 3***:  **(Bài tập PTNL)**  **Trao đổi nhóm 6 + làm vở + bảng phụ –> Chia sẻ trước lớp**  - **Có ... cái kẹo, chia đều cho 6 nhóm. Hỏi mỗi nhóm được chia mấy cái kẹo?**  - Yêu cầu đại diện các nhóm 6 học sinh lên bảng nhận kẹo.  - Cho các nhóm đếm kẹo và tự giải.  - GV cùng HS sửa bài  - Tổ chức cho học sinh nhận xét.  - Giáo viên nhận xét chung.  **Bài 4:** **(Lớp – Cá nhân)**  + *Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?*  - Yêu cầu HS quan sát và tìm hình đã được chia thành 6 phần bằng nhau.  + *Hình 2 đã được tô màu mấy phần?*  - Hình 2 được chia thành 6 phần bằng nhau, đã tô màu 1 phần, ta nói hình 2 đã được tô màu  hình.  + *Hình 3 đã được tô màu một phần mấy hình? Vì sao?*  **\*GVKL:** *Hình 2 được chia thành 6 phần bằng nhau, đã tô màu 1 phần, ta nói hình 2*  *đã được tô màu  hình.* | - HĐ: cá nhân.  -Phương pháp: thực hành, trò chơi học tập.  **- NL giải quyết vấn đề; NL biểu diễn, trình bày**.  - 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - Học sinh làm bài vào SGK.  - Kiểm tra chéo trong cặp.  - Học sinh chia sẻ:     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 6x6= 36  36:6 = 6 | 6x9= 54  54:6 = 9 | 6x7=42  42:6= 7 | 6x8 = 48  48:6 = 8 |      |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 24: 6 = 4  6x4 = 24 | 18:6= 3  3x6= 18 | 60:6= 10  10x6= 60 | 6:6=1  6x1=6 |   - *Có thể ghi ngay 54 : 6 = 9 được vì nếu lấy tích chia cho thừa số này thì sẽ được thừa số kia.*  - *Dựa vào kết qủa phép tính chia ở trên ta có thể ghi ngay kết quả phép nhân ở dưới. Vì ta lấy thương nhân với số chia sẽ được số bị chia.*  - HS lắng nghe.  - HĐ: cá nhân, cặp đôi.  -Phương pháp: thực hành, trò chơi học tập.  **- NL giải quyết vấn đề; NL biểu diễn, trình bày**.  - 1 Học sinh đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp làm vào SGK.  - HS sửa bài bằng hình thức bắn tên để đọc đáp án:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *16 : 4 = 4*  *16 : 2 = 8*  *12 : 6 = 2* | *18 : 3 = 6*  *18 : 6 = 3*  *15 : 5 = 5* | *24 : 6 = 4*  *24 : 4 = 6*  *35 : 5 = 7* |   - HĐ: nhóm 6, cá nhân.  -Phương pháp: thực hành, trò chơi học tập.  **- NL sử dụng các công cụ và phương tiện toán học.**  **NL giải quyết vấn đề; NL biểu diễn, trình bày**.  - 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - Đại diện các 6 nhóm lên bảng nhận kẹo.  - HS cả lớp làm vở (đại diện 4 HS làm bài vào bảng phụ.)  - 4HS chia sẻ bài làm của mình - - HS cả lớp lắng nghe, so sánh kết quả các bài giống nhau và sửa bài.  - HĐ: cá nhân.  -Phương pháp: quan sát, thực hành, vấn đáp.  **- NL giải quyết vấn đề; NL trình bày**.  - *Bài tập yêu cầu chúng ta tìm xem hình nào đã được tô màu  hình.*  - Hình 2 và 3 đã được chia thành 6 phần bằng nhau.  - *Hình 2 đã được tô màu 1 phần.*  - Hình 2 được chia thành 6 phần bằng nhau, đã tô màu 1 phần, ta nói hình 2 đã được tô màu hình.  - *Hình 3 đã tô màu  hình. Vì hình 3 được chia thành 6 phần bằng nhau. Đã tô màu 1 phần.* |